

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 76/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt nhiệm vụ, giải pháp lưu trữ dự phòng tài liệu lưu trữ

GÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 5
	Ngày: 12/01/2026

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 21 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 113/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ tại Tờ trình số 11785/TTr-BNV ngày 09 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ, giải pháp lưu trữ dự phòng tài liệu lưu trữ (sau đây gọi là nhiệm vụ) với những nội dung sau đây:

I. MỤC TIÊU, PHẠM VI

1. Mục tiêu

a) Tạo lập tài liệu lưu trữ dự phòng đối với tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt và tài liệu lưu trữ vĩnh viễn có nguy cơ bị hỏng thuộc Phòng lưu trữ Nhà nước Việt Nam bằng công nghệ tiên tiến, hiện đại, đáp ứng yêu cầu thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

b) Bảo đảm sự toàn vẹn, độ tin cậy, độ chính xác của thông tin so với tài liệu gốc và ổn định, lâu dài; khai thác thuận lợi tài liệu lưu trữ dự phòng trong trường hợp tài liệu lưu trữ gốc bị mất hoặc không sử dụng được; góp phần phát triển cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phòng lưu trữ Nhà nước Việt Nam và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong lĩnh vực lưu trữ.

2. Phạm vi

Lưu trữ dự phòng đối với các tài liệu lưu trữ sau:

a) Tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt.

b) Tài liệu lưu trữ vĩnh viễn có nguy cơ bị hỏng đang bảo quản tại lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở trung ương và cấp tỉnh, bao gồm:

- Tài liệu lưu trữ giấy và tài liệu lưu trữ trên vật mang tin khác có một trong các dấu hiệu sau đây: Nhạt màu, đổi màu, rách, thủng lỗ, mủn, giòn, mờ chữ nhưng vẫn còn khả năng đọc được thông tin.

- Tài liệu lưu trữ điện tử có một trong các dấu hiệu sau đây: Công nghệ tạo lập tài liệu lạc hậu, có khả năng bị thay thế; tài liệu có nguy cơ không sử dụng được hoặc không xác thực được.

II. NHIỆM VỤ

1. Thống kê, lập danh mục tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt và tài liệu lưu trữ vĩnh viễn có nguy cơ bị hỏng thuộc diện cần lưu trữ dự phòng.

2. Nghiên cứu, khảo sát, lựa chọn công nghệ, thiết bị để thực hiện lưu trữ dự phòng đáp ứng nguyên tắc của lưu trữ dự phòng, phù hợp với từng loại hình tài liệu lưu trữ gốc và sự phát triển của khoa học, công nghệ tại thời điểm tạo lập tài liệu lưu trữ dự phòng.

3. Đầu tư công nghệ, thiết bị để thực hiện lưu trữ dự phòng đối với tài liệu lưu trữ.

4. Số hóa, tạo lập tài liệu lưu trữ dự phòng.

5. Xây dựng, hoàn thiện quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật số hóa, tạo lập tài liệu lưu trữ dự phòng; quy chế quản lý, bảo quản tài liệu lưu trữ dự phòng.

6. Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý tài liệu lưu trữ dự phòng, bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phòng lưu trữ Nhà nước Việt Nam.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về ý nghĩa, tầm quan trọng của nhiệm vụ lưu trữ dự phòng tài liệu lưu trữ.

2. Lựa chọn công nghệ, thiết bị tiên tiến, hiện đại, đáp ứng yêu cầu tạo lập, lưu trữ tài liệu lưu trữ dự phòng phù hợp với các loại hình tài liệu lưu trữ và xu hướng của thế giới.

3. Phối hợp với các tổ chức nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước khảo sát, đánh giá sự phù hợp của công nghệ, thiết bị thực hiện lưu trữ dự phòng với điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

4. Tăng cường hợp tác quốc tế, trao đổi kinh nghiệm trong thực hiện lưu trữ dự phòng đối với tài liệu lưu trữ.

5. Đào tạo, tập huấn, chuyển giao công nghệ thực hiện lưu trữ dự phòng đối với tài liệu lưu trữ.

IV. THỜI GIAN VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2035.

2. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán hằng năm của Bộ Nội vụ và các địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành, lồng ghép trong các chương trình, dự án, đề án khác có liên quan, bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về đầu tư công.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nội vụ là cơ quan chủ trì thực hiện, có trách nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm về số liệu, nội dung đã báo cáo và đề xuất, kiến nghị tại Tờ trình số 11785/TTr-BNV ngày 09 tháng 12 năm 2025.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện; chịu trách nhiệm về kết quả, hiệu quả, tiến độ thực hiện nhiệm vụ; sơ kết và tổng kết việc thực hiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

c) Hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ; xây dựng quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật tạo lập tài liệu lưu trữ dự phòng; xây dựng quy chế quản lý, bảo quản tài liệu lưu trữ dự phòng.

d) Đầu tư công nghệ, thiết bị để thực hiện lưu trữ dự phòng đối với tài liệu lưu trữ theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đấu thầu và pháp luật liên quan.

đ) Tạo lập, lưu trữ tài liệu lưu trữ dự phòng thuộc phạm vi quy định tại khoản 2 Mục I Điều 1 Quyết định này.

e) Đào tạo, tập huấn, nâng cao trình độ, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm quốc tế về lưu trữ dự phòng đối với tài liệu lưu trữ.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Tổng hợp nhu cầu, bố trí vốn đầu tư trung hạn, hằng năm của Bộ Nội vụ từ nguồn ngân sách trung ương để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật Đầu tư công.

b) Tổng hợp đề xuất của Bộ Nội vụ để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

a) Căn cứ Quyết định này, xây dựng Kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện trên địa bàn.

b) Phối hợp chặt chẽ với Bộ Nội vụ trong việc chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến lưu trữ dự phòng đối với tài liệu lưu trữ.

c) Cân đối, bố trí ngân sách địa phương bảo đảm cho việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến lưu trữ dự phòng đối với tài liệu lưu trữ hằng năm.

d) Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, gửi báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Quyết định này thay thế Quyết định số 71/QĐ-TTg ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các nhiệm vụ, giải pháp bảo hiểm tài liệu lưu trữ quốc gia, giai đoạn II.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, KTTH, HC, QHDP, TCCV;
- Lưu: VT, KGVX (02b). 31b

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Thị Thanh Trà